

## **KQKD quý IV/2025: Một doanh nghiệp BĐS lãi tăng 1.400%**

06:50 20/01/2026

Hàng loạt doanh nghiệp đã công bố BCTC quý IV/2025 với lợi nhuận tăng mạnh, trong đó nổi bật là VPBank, VPBankS, NT2, SZC.

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) vừa công bố lợi nhuận hợp nhất năm 2025 đạt hơn 30.600 tỷ đồng, tăng 53% so với cùng kỳ năm trước và vượt 21% kế hoạch đề ra.

Riêng trong quý IV/2025, lợi nhuận của VPBank đạt trên 10.200 tỷ đồng – mức cao nhất trong vòng 4 năm trở lại đây. Kết quả tăng trưởng này chủ yếu đến từ thu nhập lãi thuần cải thiện, thu nhập thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư tăng mạnh, trong khi chi phí dự phòng rủi ro tín dụng được tiết giảm.

Trong năm 2025, CTCP Chứng khoán VPS (VCK) ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt hơn 4.471 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế đạt 3.579 tỷ đồng, tăng 42% so với năm trước và vượt 2,2% kế hoạch.

CTCP Chứng khoán VPBank (VPX) vừa công bố kết quả kinh doanh năm 2025 với tổng doanh thu hoạt động của VPBankS đạt 7.910 tỷ đồng, tăng hơn 3 lần so với năm 2024 và hoàn thành 110% kế hoạch năm sau khi đã điều chỉnh tăng so với mục tiêu đầu năm. Lợi nhuận trước thuế đạt 4.476 tỷ đồng, gấp gần 4 lần cùng kỳ và vượt kế hoạch đề ra. Kết quả này đến từ sự tăng trưởng đồng đều ở cả 4 mảng kinh doanh cốt lõi gồm cho vay ký quỹ (margin), ngân hàng đầu tư, môi giới chứng khoán và tự doanh.

CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) cũng vừa công bố báo cáo tài chính quý IV/2025 với doanh thu thuần đạt 2.367 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ. Sau khi khấu trừ chi phí, lợi nhuận sau thuế đạt 422 tỷ đồng, tăng gấp 5,7 lần so với quý IV/2024.

Lũy kế cả năm 2025, NT2 ghi nhận doanh thu thuần đạt 7.803 tỷ đồng, tăng 31% so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt gần 1.000 tỷ đồng, gấp 12 lần

cùng kỳ. Với kết quả này, doanh nghiệp hoàn thành khoảng 95% kế hoạch doanh thu và vượt hơn 260% chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đề ra.

Chứng khoán Vietcap cho rằng lợi nhuận của NT2 tăng mạnh do: (1) Tỷ lệ Qc cam kết tăng 59% YoY; (2) ghi nhận 91 tỷ đồng phí dịch vụ môi trường rừng; (3) chi phí khấu hao giảm 130 tỷ đồng (-76% QoQ).

CTCP Sonadezi Châu Đức (SZC) công bố báo cáo tài chính quý IV/2025 với doanh thu thuần đạt 379 tỷ đồng, tăng 65% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 103 tỷ đồng, tăng gần 44%. Lũy kế năm 2025, doanh thu thuần của SZC đạt 1.080 tỷ đồng, tăng 24% so với năm trước; lợi nhuận sau thuế đạt 345 tỷ đồng, tăng 15,6%.

Trong quý IV/2025, CTCP Cảng Đồng Nai (PDN) ghi nhận doanh thu đạt hơn 431 tỷ đồng, tăng 13,5% so với cùng kỳ năm 2024. Lợi nhuận sau thuế đạt gần 104 tỷ đồng, tăng 19,7%.

CTCP Bất động sản Sài Gòn Vi Na (LSG) báo lãi trước thuế quý IV/2025 gần 68,8 tỷ đồng, tăng hơn 1.400% so với cùng kỳ. Doanh nghiệp cho biết kết quả đột biến chủ yếu đến từ khoản thu nhập khác tăng thêm khoảng 16 tỷ đồng, phát sinh từ các giao dịch hợp tác đầu tư mang tính không thường xuyên.

| Ước tính/công bố | Mã   | Công ty                              | Ngành           | LNTT QIV/2025 | LNTT QIV/2024 | Tăng trưởng | LNTT 2025 | LNTT 2024 | Tăng trưởng |
|------------------|------|--------------------------------------|-----------------|---------------|---------------|-------------|-----------|-----------|-------------|
| Công bố          | SZC  | Sonadezi Châu Đức                    | Bất động sản    | 143           | 92            | 55%         | 444       | 375       | 18%         |
| Công bố          | DVSC | Chứng khoán DVSC                     | Chứng khoán     | -3            | -2            | —           | -14       | 11        | —           |
| Công bố          | LAW  | Cấp thoát nước Long An               | Nước            | 0             | 5             | —           | 33        | 23        | 43%         |
| Công bố          | VPB  | VPBank                               | Ngân hàng       | 10.229        | 6.151         | 66%         | 30.625    | 20.013    | 53%         |
| Công bố          | LSG  | Sài Gòn Vi Na                        | Bất động sản    | 68,8          | 4,6           | 1400%       | 21,1      | 3,6       | 486%        |
| Công bố          | MDF  | Gỗ MDF VRG Quảng Trị                 | Lâm nghiệp      | 4,9           | 2,4           | 104%        | 8,1       | 3,4       | 138%        |
| Công bố          | NT2  | Nhon Trạch 2                         | Điện/Nhiệt điện | 475           | 90            | 431%        | 1.123     | 104       | 980%        |
| Công bố          | PDN  | Đồng Nai Port                        | Logistics/Cảng  | 131           | 111           | 18%         | 546       | 434       | 26%         |
| Công bố          | TDM  | TDM Water                            | Nước            | 12            | 64            | -82%        | 219       | 225       | -3%         |
| Ước tính         | VCK  | Chứng khoán VPS                      | Chứng khoán     |               |               |             | 4471      | 3149      | 42%         |
| Ước tính         | VPX  | Chứng khoán VPBankS                  | Chứng khoán     | 1216          | 379           | 221%        | 4476      | 1220      | 267%        |
| Công bố          | BRC  | Cao su Bến Thành                     | Cao su          | 6             | 5             | 20%         | 26        | 27        | -4%         |
| Công bố          | PVY  | PV Shipyard                          | Cơ khí          | 4             | -7            | —           | 9         | 0         | 4828%       |
| Công bố          | DRL  | Thủy điện - Điện lực 3               | Điện/Thủy điện  | 20            | 17            | 13%         | 62        | 56        | 11%         |
| Công bố          | NTH  | Thủy điện Nước Trong                 | Điện/Thủy điện  | 20            | 17            | 15%         | 73        | 54        | 34%         |
| Công bố          | HAD  | Bia Hà Nội - Hải Dương               | F&B/Bia rượu    | -1            | -3            | —           | 9         | 8         | 10%         |
| Công bố          | SBL  | BSC Bạc Liêu                         | F&B/Bia rượu    | -1,5          | 2             | —           | 1,2       | 2,8       | -58%        |
| Công bố          | TMG  | Kim loại màu Thái Nguyên             | Khoáng sản      | 30            | 41            | -25%        | 96        | 89        | 7%          |
| Công bố          | QNP  | Quy Nhơn Port                        | Logistics/Cảng  | 53            | 35            | 53%         | 179       | 163       | 9%          |
| Công bố          | TDS  | Thép Đức VNSteel                     | Thép            | 0,8           | 11            | -93%        | 8,8       | 1,6       | 450%        |
| Công bố          | TIS  | Tisco                                | Thép            | 13            | 87            | -85%        | 14        | 11        | 24%         |
| Công bố          | BMP  | Nhựa Bình Minh                       | VLXD            | 328           | 291           | 13%         | 1.539     | 1.241     | 24%         |
| Công bố          | AGP  | Agimexpharm                          | Y tế/Dược phẩm  | 20            | 18            | 11%         | 66        | 60        | 9%          |
| Công bố          | PXM  | PVC-MT                               | Xây lắp         | -5            | -5            | —           | -19       | -18       | —           |
| Công bố          | TTC  | Gạch men Thanh Thanh                 | VLXD            | 10,1          | 0,8           | 1204%       | 30        | 0,2       | 14900%      |
| Công bố          | SDC  | Tư vấn Sông Đà                       | Xây dựng        | 1             | 0,4           | 150%        | 2,7       | 2,5       | 8%          |
| Ước tính         | HVN  | Vietnam Airlines                     | Hàng không      | —             | —             | —           | 8.450     | 8.416     | 0,4%        |
| Ước tính         | VCB  | Vietcombank                          | Ngân hàng       | —             | —             | —           | 45.000    | —         | —           |
| Ước tính         | NVB  | NCB                                  | Ngân hàng       | —             | —             | —           | 900       | —         | —           |
| Ước tính         | PET  | Petrosetco                           | Phân phối       | —             | —             | —           | 402       | 284       | 42%         |
| Công bố          | GGG  | Ô tô Giải phóng                      | Ô tô            | -4            | -5            | —           | -15       | -20       | —           |
| Công bố          | VRG  | Vinaruco                             | Bất động sản    | 51            | 35            | 46%         | 46        | 82        | -44%        |
| Công bố          | TNS  | Thép Tầm lá Thống Nhất               | Thép            | 2             | 26            | -92%        | 19        | 59        | -68%        |
| Công bố          | TNG  | TNG                                  | Dệt may         | 134           | 90            | 49%         | 484       | 389       | 24%         |
| Công bố          | CDN  | Đà Nẵng Port                         | Cảng            | 95            | 90            | 6%          | 460       | 375       | 23%         |
| Công bố          | KLB  | KienLongBank                         | Ngân hàng       | 786           | 352           | 123%        | 2.323     | 1.112     | 109%        |
| Công bố          | DSE  | DNSE Securities                      | Chứng khoán     | 12            | 42            | -71%        | 340       | 228       | 49%         |
| Công bố          | AAM  | Thủy sản Mekong                      | Thủy sản        | 0             | -1            | —           | 4         | -6        | —           |
| Công bố          | TCX  | Chứng khoán Techcombank              | Chứng khoán     | 2.041         | 933           | 119%        | 7.109     | 4.802     | 48%         |
| Công bố          | MBS  | Chứng khoán MB                       | Chứng khoán     | 385           | 206           | 87%         | 1.415     | 930       | 52%         |
| Công bố          | VIX  | Chứng khoán VIX                      | Chứng khoán     | 1.601         | 134           | 1095%       | 6.717     | 815       | 724%        |
| Ước tính         | NAB  | Nam Á Bank                           | Ngân hàng       | 1.433         | 1.222         | 17%         | 5.254     | 4.545     | 16%         |
| Ước tính         | ABB  | ABBank                               | Ngân hàng       | 1.204         | 556           | 117%        | 3.522     | 794       | 344%        |
| Ước tính         | MBB  | MBBank                               | Ngân hàng       | 10.561        | 8.093         | 30%         | 33.700    | 28.829    | 17%         |
| Ước tính         | BID  | BIDV                                 | Ngân hàng       | 12.368        | 9.336         | 32%         | 36.000    | 31.383    | 15%         |
| Ước tính         | STB  | Sacombank                            | Ngân hàng       | -3.360        | 4.626         | —           | 7.628     | 12.720    | -40%        |
| Ước tính         | GVR  | Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam | Cao su          | 710           | 2.706         | -74%        | 6.929     | 5.919     | 17%         |
| Ước tính         | POW  | PV Power                             | Dầu khí         | 168           | 250           | -33%        | 2.500     | 1.516     | 65%         |
| Ước tính         | BSR  | Lọc hóa dầu Bình Sơn                 | Dầu khí         | 2.038         | -102          | —           | 4.541     | 680       | 568%        |
| Ước tính         | GAS  | Tổng Công ty khí Việt Nam            | Dầu khí         | 1.884         | 2.558         | -26%        | 14.500    | 13.172    | 10%         |
| Ước tính         | PVD  | PV Drilling                          | Dầu khí         | 212           | 256           | -17%        | 1.100     | 932       | 18%         |
| Ước tính         | VGC  | Viglacera                            | Khu công nghiệp | 1.806         | 726           | 149%        | 2.140     | 1.635     | 31%         |
| Ước tính         | HDM  | Dệt may Huế                          | Dệt may         | 40            | 39            | 3%          | 190       | 137       | 39%         |

Minh Minh